TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 28/11/2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng.

Các Thẩm phán: 1. Ông Cà Văn Pâng.

2. Ông Lương Tiến Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Lò Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2018/TLPT-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2018 về việc " Ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn".

Do bản án sơ thẩm số 22/2018/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐ-PT ngày 08/11/2018, Quyết định Hoãn phiên tòa số 20 ngày 21/11/2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Lê Hồng C, sinh năm 1957; Địa chỉ: Số nhà 339, tổ dân phố 04, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

* *Bị đơn:* Bà Hà Thị P, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số nhà 320B, tổ dân phố 4, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Anh T – Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Đ, tỉnh

Điện Biên (*Văn bản ủy quyền số 562/QĐ- HĐTV-PC ngày 18/4/2012 của Chủ tịch hội đồng thành viên Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam*);

2. Ông Vũ Quang T; Địa chỉ: Số nhà 33, tổ dân phố 07, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên;

3. Anh Lê Hoàng P; Địa chỉ: Số nhà 339, tổ dân phố 04, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên;

4. Chị Bùi Phương T; Địa chỉ: Số nhà 320B, tổ dân phố 04, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

(Ông C, bà P, chị T có mặt tại phiên tòa; Ông Vũ Anh T vắng mặt có lý do; Ông Vũ Quang T, anh Lê Hoàng P vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ngày 30/3/2018 nguyên đơn ông Lê Hồng C trình bày:*** ông Lê Hồng C và bà Hà Thị P đăng ký kết hôn với nhau từ ngày 19/11/2007 tại UBND phường N, thị xã M, kết hôn tự nguyện không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng nên vợ chồng không còn tình cảm. Đến nay ông C đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà P.

Về con: ông C và bà P không có con chung, con riêng của mỗi người đã trưởng thành nên ông C không đề nghị giải quyết.

Về tài sản và nợ: ông C không đề nghị giải quyết

**** Tại văn bản trả lời ngày 08/4/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hà Thị P trình bày:***

Bà P nhất trí với nội dung ông C đã trình bày về quan hệ hôn nhân và con chung, con riêng.

Đối với tài sản chung, nợ chung: tài sản chung của vợ chồng là 01 xe ô tô CX5, BKS 27A-030.93 trị giá hiện tại là 800.000.000đ hiện ông C đang quản lý, sử dụng và khoản nợ phải trả cho NH Agribank chi nhánh huyện Đ với số tiền là 1.003.682.000đ để nâng cấp, sửa chữa 02 ngôi nhà tại địa chỉ SN 339, tổ 4, phường M và số nhà 320B, tổ 4, phường M. Tài sản thế chấp vay tiền Ngân hàng là nhà, đất tại tổ dân phố 10, phường M (là tài sản riêng của bà P). Do đó, bà P đề nghị chia đôi tài sản chung là trị giá của xe ô tô và công nợ, do khoản nợ lớn hơn tài sản chung nên bà P có nguyện vọng quản lý xe ô tô và trả nợ cho Ngân hàng, số tiền chênh lệch tài sản và công nợ thì ông C phải trả lại cho bà P.

Đối với tài sản chung là nhà, đất tại địa chỉ số 339 và 320B, tổ 4, phường M, ông C và bà P đã làm văn bản thỏa thuận phân chia theo quy định của pháp luật từ ngày 05/4/2017. Sau đó, ông C đã tặng nhà đất tại địa chỉ 339, tổ 4, phường M cho con riêng của ông C là anh Lê Hoàng P, bà P cũng đã tặng nhà đất tại địa chỉ 320B, tổ 4, phường M cho con riêng của bà P là chị Bùi Phương T.

** Tại văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu chia tài sản chung, nợ phải trả và quá trình giải quyết vụ án, ông C công nhận:* tài sản chung của ông C và bà P có 01 xe ô tô và nợ phải trả là 1.003.682.000đ như bà P đã trình bày. Tuy nhiên ông C và bà P đã thỏa thuận chia nhà, đất địa chỉ số 339 và 320B, tổ 4, phường M; do nhà, đất chia cho ông C có giá trị thấp hơn nên 02 người thỏa thuận ông C được quản lý, sử dụng 01 xe ô tô CX5 trị giá 800 triệu và bà P có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng. Đến nay, xe ô tô ông C đã bán cho ông Vũ Quang T từ ngày 10/9/2017 với số tiền 800 triệu để sửa chữa nhà nhưng chưa làm thủ tục theo quy định. Nếu bà P yêu cầu chia đôi giá trị xe và tiền nợ phải trả thì ông C yêu cầu gộp cả nhà đất tại địa chỉ số 339 và 320B để chia lại từ đầu.

Ngoài ra tại phiên tòa sơ thẩm, ông C còn xuất trình giấy biên nhận cho anh Đào Sơn H vay 1 tỷ đồng, hẹn đến 30/6/2019 trả nợ; xuất trình chứng cứ liên quan đến việc sửa chữa, nâng cấp ngôi nhà tại địa chỉ số 339, tổ 4, phường M và yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của ông Vũ Quang T:* ngày 10/9/2017 ông C vay 800 triệu và thế chấp xe ô tô, hẹn đến 10/12/2017 mà không trả thì phải chuyển nhượng xe cho ông T. Cùng ngày, ông C có viết giấy bán xe nhưng 2 bên chưa làm thủ tục. Việc vay tiền và viết giấy bán xe chỉ có ông C và ông T xác lập hợp đồng, bà P không tham gia. Đến nay, ông T đề nghị ông C có trách nhiệm trả 800 triệu tiền gốc và 32 triệu tiền lãi. Tuy nhiên ông T không nộp tiền tạm ứng án phí theo yêu cầu nên Tòa án sơ thẩm đã trả lại đơn cho ông T để ông T khởi kiện trong vụ án khác khi có yêu cầu.

** Ý kiến của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Đ:* Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Ý kiến của anh Lê Hoàng P:* đồng ý gộp nhà đất tại địa chỉ 339, 320B, tổ 4, phường M vào để chia lại.

** Ý kiến của chị Bùi Phương T:* không đồng ý chia lại nhà đất tại địa chỉ 320B, tổ 4, phường M vì tài sản này chị T đã đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tại bản án HNGĐ sơ thẩm số 22/2018/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đ quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2 Điều 59 và khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Điều 147 BLTTDS; Điều 26 và 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc Ly hôn của ông Lê Hồng C, cho ly hôn giữa ông Lê Hồng C và bà Hà Thị P.

2. Về con: Không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản và nợ: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung và nợ chung khi ly hôn của bà Hà Thị P.

Giao cho bà Hà Thị P quyền sở hữu xe ô tô CX5, biển kiểm soát 27H-030.93 trị giá 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng), bà Hà Thị P phải trả cho ông Lê Hồng C 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) chênh lệch tài sản.

Bà Hà Thị P có trách nhiệm trực tiếp trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Đ số tiền 1.003.682.000 đồng (Một tỷ không trăm linh ba triệu sáu trăm tám hai nghìn đồng) gốc và 35.623.447 đồng (Ba mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm bốn bẩy đồng) tiền lãi tính đến ngày 23/8/2018 cùng toàn bộ lãi phát sinh về sau tại hợp đồng tín dụng số 8903-LAV-201702991 ngày 2/10/2017 và hợp đồng tín dụng số 8903-LAV-201703026 ngày 16/10/2017. Ông Lê Hồng C có trách nhiệm trả cho bà P 519.652.723 đồng (Năm trăm mười chín triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn bẩy trăm hai ba đồng) chênh lệch nợ.

Khấu trừ chênh lệch tài sản và nợ, ông C phải trả cho bà P số tiền 119.652.723 đồng (Một trăm mười chín triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn bẩy trăm hai ba đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Hồng C về việc chia lại nhà đất tại số 339 và 320B, tổ dân phố 4, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên đã được thỏa thuận xác nhận tài sản riêng ngày 05/4/2017.

Các khoản tiền của ông C và bà P cho người khác vay (nếu có), sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

Giữ nguyên biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với xe tô CX5 BKS 27H-030.93, cho đến khi có quyết định khác của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trả lại cho bà Hà Thị P 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) tiền bảo đảm đã nộp vào tài khoản phong tỏa số 8912601924301 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

4. Về án phí:

Ông Lê Hồng C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn; 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần tài sản được hưởng và 21.589.581 đồng (Hai mươi mốt triệu năm trăm tám mươi chín nghìn năm trăm tám mốt đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với nghĩa vụ trả nợ. Khấu trừ cho ông C 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001762 ngày 30/3/2018; Ông C còn phải nộp 31.589.581 đồng (Ba mươi mốt triệu năm trăm tám mươi chín nghìn năm trăm tám mốt đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bà Hà Thị P phải chịu 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần tài sản được hưởng và 21.589.581 đồng (Hai mươi mốt triệu năm trăm tám mươi chín nghìn năm trăm tám mốt đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với nghĩa vụ trả nợ. Khấu trừ cho bà P 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001776 ngày 10/4/2018; Bà P còn phải nộp 21.589.581 đồng (Hai mươi mốt triệu năm trăm tám mươi chín nghìn năm trăm tám mốt đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Hà Thị P cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, hàng tháng ông Lê Hồng C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về việc thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/9/2018, TAND thành phố Đ nhận được đơn kháng cáo của ông Lê Hồng C với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xác định tài sản chung và nợ chung để phân chia, giải quyết đúng, đủ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Hồng C thay đổi nội dung kháng cáo, ông C đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm, cụ thể là hủy nội dung chia tài sản chung và công nợ chung, trả hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm

giải quyết lại từ đầu. Bà P đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm và chị T trình bày: Nhà, đất tại địa chỉ số 320B được bà P và ông C thỏa thuận phân chia hợp pháp; bà P đã tặng cho nhà, đất này cho chị T theo đúng quy định của pháp luật; đến nay chị T không đồng ý chia nhà, đất tại địa chỉ số 320B theo yêu cầu của ông C.

Đại diện VKSND tỉnh Điện Biên nhận xét quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm,Thẩm phán chủ tọa và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của các đương sự tại phiên tòa, Đại diện VKSND tỉnh Điện Biên đánh giá:

Về hình thức đơn kháng cáo của ông C nộp trong thời hạn như vậy là hợp lệ để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Xét về nội dung kháng cáo thấy rằng: việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên giao cho bà P quyền sở hữu xe Madaz CX5, biển kiểm soát 27H-030.93 trị giá 800.000.000 đồng (*tám trăm triệu đồng)*, bà P phải trả cho ông Lê Hồng C 400.000.000 đồng *(bốn trăm triệu đồng)* chênh lệch tài sản. Bà P có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Đ và Ông Lê Hồng C có trách nhiệm trả cho bà P số tiền 519.652.723 đồng *(Năm trăm mười chín triệu sáu trăm năm hai nghìn bảy trăm hai ba đồng)* chênh lệch nợ. Khấu trừ chênh lệch tài sản và nợ, ông C còn phải trả cho bà P số tiền 119.652.723 đồng *(Một trăm mười chín triệu sáu trăm năm hai nghìn bảy trăm hai ba đồng)*, là phù hợp với quy định của pháp luật. Ông C yêu cầu chia lại nhà đất tại số nhà 320B và 339, tổ 4, phường M, thành phố Đ là không có căn cứ bởi vì tài sản này đã có biên bản thỏa thuận phân chia tài sản giữa ông bà C P được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy yêu cầu kháng cáo của ông C không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với yêu cầu giải quyết khoản vay do ông Đào Sơn H - Sinh năm 1981 giám đốc doanh nghiệp H có vay vợ chồng ông C là 1 tỷ đồng ngày 10 tháng 5 năm 2016 hẹn đến ngày 30/6/2019 sẽ thanh toán và khoản tiền 500.000.000 đồng nâng cấp và sửa chữa phòng hát nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết, xét thấy yêu cầu này của ông C ngoài phạm vi khởi kiện cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lê Hồng C, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 22/2018/HNGĐ-ST ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện, yêu cầu độc lập của các đương sự, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn" và áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015 để thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Ông Lê Hồng C kháng cáo trong hạn luật định, nên kháng cáo hợp lệ.

Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm ông C có xuất trình Giấy photocopy bảng kê lắp đặt phòng hát R ngày 15/3/2018 với số tiền là 500.000.000đ, 01 phiếu thu đề ngày 15/3/2018 có chữ ký của Lê Hồng C tại mục người nộp tiền và 01 giấy xác nhận đề ngày 10/5/2018 của anh Đào Sơn H có nội dung vay số tiền 1 tỷ đồng của ông bà C – P; ông C đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết, phân chia các khoản tiền trong các tài liệu nêu trên. Do nội dung yêu cầu vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên HĐXX sơ thẩm không xem xét giải quyết trong vụ án này mà dành quyền khởi kiện cho các bên trong một vụ án khác là đúng quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Lê Hồng C kháng cáo yêu cầu hủy 1 phần bản án sơ thẩm, cụ thể là nội dung chia tài sản và công nợ trong bản án sơ thẩm chưa đúng, chưa đánh giá đầy đủ căn cứ tài liệu có trong hồ sơ, việc chia tài sản chung, nợ chung chưa đảm bảo đúng quy định của pháp luật, xâm phạm đến quyền của Nguyên đơn. Xét thấy:

[2.1] Tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện trước phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 24/8/2018, Tòa án nhân dân thành phố Đ chỉ thụ lý giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà P là xe ô tô CX5, biển kiểm soát 27H-030.93 trị giá 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) và khoản nợ phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Đ số tiền 1.003.682.000 đồng (Một tỷ không trăm linh ba triệu sáu trăm tám hai nghìn đồng) theo đơn của bà P; Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân nhưng có công nhận chiếc xe ô tô CX5, biển kiểm soát 27H-030.93 là tài sản chung và khoản nợ 1.003.682.000 đồng là nợ chung của vợ chồng (BL 01, 14, 81-82, 83-84, 89).

Ông C trình bày: khi ông và bà P thỏa thuận chia nhà, đất địa chỉ số 339 và 320B, tổ 4, phường M đã thống nhất nhà, đất chia cho ông C có giá trị thấp hơn nên 02 người thỏa thuận ông C được quản lý, sử dụng 01 xe ô tô CX5 trị giá 800 triệu và bà P có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng.

Xét Văn bản thỏa thuận xác nhận tài sản riêng số công chứng 1231/2017 quyển số 01-TP/CC-SCC/VBTT và Văn bản thỏa thuận xác nhận tài sản riêng số công chứng 1232/2017 quyển số 01-TP/CC-SCC/VBTT được các bên xác lập ngày 05/4/2017 (BL 42-43, 46-47), ông C và bà P chỉ thỏa thuận xác nhận: thửa đất số 73a1, tờ bản đồ 313-IV-A-d, diện tích 137,7 m^2 và tài sản gắn liền trên đất tại tổ dân phố 4, phường M, thành phố Đ là tài sản riêng của bà Hà Thị P; thửa đất số 193, tờ bản đồ 27 (bản đồ lập năm 2010), diện tích 100 m^2 và tài sản gắn liền trên đất tại tổ dân phố 4, phường M, thành phố Đ là tài sản riêng của ông Lê Hồng C. Ngoài ra, các bên không thỏa thuận về việc phân chia xe ô tô và khoản nợ chung như nội dung ông C trình bày.

Sau khi cùng nhau thỏa thuận xác nhận tài sản riêng, ông C đã tặng cho tài sản riêng của mình là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác trên đất cho anh Lê Hoàng P (con trai của ông C), ngày 08/01/2018 anh P đã được UBND thành phố Đ cấp Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác trên đất (BL 136). Bà P cũng đã tặng cho tài sản riêng của mình là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác trên đất cho chị Bùi Phương T (con gái của bà P), ngày 04/01/2018, chị T đã được UBND thành phố Đ cấp Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác trên đất (BL 133).

Kể từ ngày 05/4/2017 đến ngày 30/3/2018, giữa ông C, bà P, anh P, chị T không xảy ra tranh chấp gì. Như vậy, có đủ căn cứ để khẳng định: nhà, đất tại số 339 và 320B, tổ dân phố 4, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên đã thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của anh Lê Hoàng P, chị Bùi Phương T; không còn là tài sản chung của ông C và bà P nên yêu cầu của ông C về việc gộp giá trị nhà, đất tại địa chỉ: số 339 và 320B, tổ dân phố 4, phường M vào khối tài sản chung của ông C và bà P để chia lại là không có căn cứ để chấp nhận.

Xét về chiếc xe ô tô CX5, biển kiểm soát 27H-030.93, ông C và bà P cùng khai và công nhận: chiếc xe được mua bằng tiền của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân và là tài sản chung, tại thời điểm ly hôn trị giá của xe ô tô là 800.000.000đ; do các bên chưa thỏa thuận phân chia nên yêu cầu của bà P về việc chia giá trị xe ô tô là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 59 Luật HN&GĐ và khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

Đối với khoản nợ 1.003.682.000 đồng: ông C thừa nhận là khoản nợ chung vay để mua đất tại địa chỉ số 339, tổ dân phố 4, phường M, xây nhà và đầu tư nâng cấp phòng hát karaoke; mọi thủ tục ủy quyền, vay vốn tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Đ ông C đều ký xác nhận, tài sản chung là nhà, đất các bên đã thỏa thuận phân chia nên bà P đề nghị ông C chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng ½ số tiền vay là hoàn toàn phù hợp.

[2.2]. Đối với yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết số tiền 01 tỷ đồng ông C và bà P cho anh Đào Sơn H vay và số tiền ông C vay của ông T để đầu tư sửa chữa, nâng cấp phòng hát tại địa chỉ số 339, tổ dân phố 4, phường M của ông C là những nội dung chưa được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết (đã được phân tích tại mục 1 trang 7) nên không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 BLTTDS, do đó HĐXX phúc thẩm không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, HĐXX phúc thẩm thấy rằng nội dung phân chia tài sản chung, công nợ chung tại Bản án số 22/2018/HNGĐ–ST ngày 24/8/2018 của TAND thành phố Đ là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 33 và Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình nên yêu cầu kháng cáo của ông Lê Hồng C không có căn cứ để chấp nhận.

[2.3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm c khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội:

Do yêu cầu kháng cáo của ông C không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận nên theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm c khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội thì ông C phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ theo Biên lai: AA/2016/0002014 ngày 04/9/2018, Ông C đã nộp đủ án phí DSPT.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các khoản 1, 2, 4 Điều 59 và khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm c khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1.1. Giữ nguyên nội dung của bản án sơ thẩm số 22/2018/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên về việc phân chia tài sản và nợ, cụ thể:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung và nợ chung khi ly hôn của bà Hà Thị P.

Giao cho bà Hà Thị P quyền sở hữu xe ô tô CX5, biển kiểm soát 27H-030.93 trị giá 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng), bà Hà Thị P phải trả cho ông Lê Hồng C 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) chênh lệch tài sản.

Bà Hà Thị P có trách nhiệm trực tiếp trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Đ số tiền 1.003.682.000 đồng (Một tỷ không trăm linh ba triệu sáu trăm tám hai nghìn đồng) gốc và 35.623.447 đồng (Ba mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm bốn bẩy đồng) tiền lãi tính đến ngày 23/8/2018 cùng toàn bộ lãi phát sinh về sau tại hợp đồng tín dụng số 8903-LAV-201702991 ngày 02/10/2017 và hợp đồng tín dụng số 8903-LAV-201703026 ngày 16/10/2017. Ông Lê Hồng C có trách nhiệm trả cho bà P 519.652.723 đồng (Năm trăm mười chín triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn bẩy trăm hai ba đồng) chênh lệch nợ.

Khấu trừ chênh lệch tài sản và nợ, ông C phải trả cho bà P số tiền 119.652.723 đồng (Một trăm mười chín triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn bấy trăm hai ba đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Hồng C về việc chia lại nhà đất tại số 339 và 320B, tổ dân phố 4, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên đã được thỏa thuận xác nhận tài sản riêng ngày 05/4/2017.

Các khoản tiền của ông C và bà P cho người khác vay (nếu có), sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

Giữ nguyên biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với xe tô CX5 BKS 27H-030.93 tại Quyết định số 01/2018/QĐ-BPKCTT ngày 10/4/2018, cho đến khi có quyết định khác của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Trả lại cho bà Hà Thị P một sổ tiết kiệm có kỳ hạn trị giá 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) tiền bảo đảm đã nộp vào tài khoản phong tỏa số 8912601924301 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

1.2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Hồng C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn; 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần tài sản được hưởng và 21.589.581 đồng (*Hai mươi mốt triệu năm trăm tám mươi chín nghìn năm trăm tám mốt đồng*)

án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với nghĩa vụ trả nợ. Khấu trừ cho ông C 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001762 ngày 30/3/2018; Ông C còn phải nộp 31.589.581 đồng (*Ba mươi mốt triệu năm trăm tám mươi chín nghìn năm trăm tám mốt đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Bà Hà Thị P phải chịu 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần tài sản được hưởng và 21.589.581 đồng (Hai mươi mốt triệu năm trăm tám mươi chín nghìn năm trăm tám mốt đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với nghĩa vụ trả nợ. Khấu trừ cho bà P 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001776 ngày 10/4/2018; Bà P còn phải nộp 21.589.581 đồng (Hai mươi mốt triệu năm trăm tám mươi chín nghìn năm trăm tám mốt đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc ông Lê Hồng C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2016/0002014 ngày 04/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ; ông C đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (28/11/2018).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND thành phố Đ;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- UBND phường M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Hằng